TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Hiền

Bà Triệu Thị Tâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Lành Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lành Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Thôn N2, xã T2, huyện V2, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Dương Thị M, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: Thôn N3, xã T3, huyện V3, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mã Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Lành Văn T kết hôn năm 2012, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, cuộc sống khó khăn thiếu thốn dẫn đến những xung đột, cãi vã trong gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Chị Mã Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lành Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (một) con chung tên là Lành Bảo P, sinh ngày 06/3/2012, khi ly hôn chị đồng ý để con cho anh Lành Văn T nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị Mã Thị H thay đổi mức cấp dưỡng chị chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/tháng do hiện nay công việc khó khăn, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lành Văn T trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu, anh và chị Mã Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị Mã Thị H yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý nhưng với điều kiện chị Mã Thị H phải trả cho anh tiền sính lễ là 20 triệu đồng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho con của anh là 50 triệu đồng.

Về con chung: Anh và chị Mã Thị H có 01 (một) con chung như chị Mã Thị H đã trình bày, hiện nay con đang ở cùng anh. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và yêu cầu chị Mã Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng 06 tháng một lần.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị H.

Về con chung: Giao cháu Lành Bảo P, sinh ngày 06/3/2012 cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến 18 tuổi. Chị Mã Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Lành Bảo P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đề cập xem xét.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Mã Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lành Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự yêu cầu viết bản tự khai và lấy lời khai đương sự theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mã Thị H và anh Lành Văn T là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ tháng 9 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân đến nay, không còn quan tâm đến công việc, cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Mã Thị H và anh Lành Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Mã Thị H đưa ra là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của anh Lành Văn T đồng ý ly hôn với điều kiện chị Mã Thị H phải trả cho anh khoản tiền sính lễ là 20 triệu đồng và tiền tổn thất về tinh thần cho con là 50 triệu đồng, trước yêu cầu của anh Lành Văn T đưa ra chị Mã Thị H không chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy, đối với tiền sính lễ là khoản tiền

do hai bên gia đình tự nguyện giao cho nhau khi kết hôn là theo phong tục tập quán, pháp luật không có quy định bắt buộc các bên phải thanh toán cho nhau đối với khoản tiền này trước khi kết hôn. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, ngoài lời khai của anh Lành Văn T thì không có căn cứ để xác định có việc tổn thất về tinh thần đối với cháu Lành Bảo P khi hai vợ chồng ly hôn. Do đó, các yêu cầu anh Lành Văn T đưa ra là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Mã Thị H và anh Lành Văn T có 01 (một) con chung là Lành Bảo P, sinh ngày 06/3/2012, hiện cháu đang ở với anh Lành Văn T. Khi ly hôn, chị Mã Thị H đề nghị để cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lành Bảo P và chị Mã Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh Lành Văn T có ý kiến trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Mã Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng 06 tháng một lần. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh Lành Văn T về quyền được nuôi con là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy cần giao cháu Lành Bảo P cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, đây cũng là nguyện vọng của cháu Lành Bảo P. Tại phiên tòa các bên không thỏa thuận về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, do vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định. Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng mà anh Lành Văn T đưa ra là quá cao, không phù hợp với thu nhập của chị Mã Thị H. Còn đối với mức cấp dưỡng mà chị Mã Thị H đưa ra là quá thấp không đảm bảo cho cuộc sống của cháu Lành Bảo P. Căn cứ vào thu nhập của chị Mã Thị H và mức chi phí thực tế tại địa phương, Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Lành Bảo P đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Chị Mã Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Mã Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mã Thị H được ly hôn với anh Lành Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lành Bảo P, sinh ngày 06/3/2012 cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Lành Bảo P đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/3/2019). Chị Mã Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lành Văn T yêu cầu chị Mã Thị H thanh toán tiền sính lễ và tiền tổn thất về tinh thần vì không có căn cứ.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Mã Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Xác nhận chị Mã Thị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03869 ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Mã Thị H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Chị Mã Thị H và anh Lành Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Duy